

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 13/2025/DS-ST
Ngày: 17-4-2025
V/v: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lương Việt Bằng

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Bùi Như Huân

Ông Nguyễn Hữu Tinh

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Lã Ngọc Tiên – Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa:** Bà Phạm Thị Thảo - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 4 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 03/2025/TLST-DS ngày 17 tháng 01 năm 2025 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 08/2025/QĐXXST-DS ngày 27 tháng 3 năm 2025 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị Hoài A, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số 98 đường V, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- **Bị đơn:** Bà Trần Thị H, sinh năm 1956; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số 33/7 đường Q, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- **Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

+ Ông Vũ Quang L, sinh năm 1975; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số 98 đường V, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 19-02-2025 của ông Vũ Quang L: Bà Nguyễn Thị Hoài A, sinh năm 1984; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số 98 đường V, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

+ Anh Nguyễn Hoàng G, sinh năm 1988; nơi đăng ký thường trú: Số 33/7 đường Q, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định; hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hà Nam.

Người đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 17-3-2025 của anh Nguyễn Hoàng G: Bà Trần Thị H, sinh năm 1956; nơi đăng ký thường trú và nơi cư trú: Số 33/7 đường Q, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Bà Hoài A, bà H có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Tại đơn khởi kiện, các bản tự khai và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoài A trình bày:

Bà quen bà Trần Thị H, sinh năm 1956 cư trú tại số 33/7 đường Q, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định qua con trai ruột của bà Trần Thị H là anh Nguyễn Hoàng G. Ngày 11-4-2024 khi bà đang ở tại nhà chị gái của mình thì bà H và anh G có đến gặp bà. Bà H đặt vấn đề vay bà số tiền 1.423.000.000 đồng để anh G lấy vốn làm ăn và bà H có hứa 03 ngày sau sẽ trả lại bà số tiền này. Bà có nói nếu bà H muốn vay tiền thì phải viết giấy vay nợ, ký xác nhận vào đó và phải trả bà đúng hạn số tiền đã vay, nếu sai hạn thì phải chịu trách nhiệm trước pháp luật thì bà mới cho vay. Bà H đồng ý và nhờ anh G viết giấy biên nhận vay nợ có nội dung cụ thể là: “Tên tôi là Trần Thị H ngụ tại 33/7 đường Q, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định. Tôi có vay của chị Nguyễn Hoài A trú tại 98 đường V số tiền 1.423.000.000 đồng để đặt cọc tiền nhà tại mảnh đất số 33/7 đường Q, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định từ ngày 11-4-2024, có sai sót gì tôi hoàn toàn chịu trách nhiệm”. Sau khi anh G viết giấy biên nhận vay nợ nêu trên thì bà H đã ký tên H và họ tên Trần Thị H tại phần người vay. Anh G và bà H bảo bà chuyển khoản cho người có tên Trần Văn P thì bà yêu cầu phải viết rõ họ tên người nhận, số tài khoản ngân hàng thì anh G đã viết trong giấy biên nhận cụ thể là: “Chủ Trần Văn P số tài khoản 232489448 Ngân hàng VPBank”. Bà yêu cầu bà H phải ký xác nhận bên dưới nội dung mà anh G đã viết ở trên thì bà mới chuyển tiền. Bà H nhất trí và ký xác nhận tên H và họ tên Trần Thị H ở bên dưới. Theo yêu cầu của bà H sau đó bà đã chuyển tổng số tiền 1.423.000.000 đồng vào số tài khoản 232489448 tại Ngân hàng VPBank mang tên Trần Văn P thành 04 lần chuyển khoản cụ thể: lần 01 là 450.000.000 đồng; lần 02 là 450.000.000 đồng; lần 03 là 450.000.000 đồng; lần 04 là 73.000.000 đồng.

Sau khi vay được tiền thì bà H đã không trả số tiền vay như đã cam kết nên bà đã nhiều lần đến nhà, yêu cầu bà H phải trả nợ nhưng đến nay bà H vẫn không trả, vì vậy bà khởi kiện ra Tòa án nhân dân thành phố Nam Định yêu cầu bà H phải trả số tiền 1.423.000.000 đồng đã vay.

2. Tại bản tự khai, trong quá trình tố tụng, bị đơn là bà Trần Thị H trình bày:

Bà xác nhận bà với bà Nguyễn Thị Hoài A không phải là họ hàng ruột thịt, cũng không thân thiết, bà chỉ biết bà Hoài A thông qua con trai bà là Nguyễn Hoàng G. Ngày 11-4-2024, bà với con trai là Nguyễn Hoàng G có gặp bà Hoài A. Bà đã

đề nghị bà Hoài A cho bà vay số tiền 1.423.000.000 đồng để cho anh G lấy vốn làm ăn. Do đã có tuổi, tay chân run nên bà nhờ anh G viết nội dung giấy vay nợ, sau đó bà ký tên và họ tên xác nhận dưới phần “người vay” và phần “Chủ: Trần Văn P số tài khoản 232489448 Ngân hàng VPBank” như bà Hoài A trình bày ở trên là đúng. Bà xác nhận chữ ký tên “H” và họ tên “Trần Thị H” trong giấy biên nhận đúng là của bà.

Bà xác nhận số tiền 1.423.000.000 đồng là khoản bà vay riêng của bà Hoài A, không liên quan gì đến ông Trần Văn P, anh Nguyễn Hoàng G là con trai và ông Nguyễn Tiến S là chồng của bà.

Bà xác nhận bà Hoài A đã nhiều lần yêu cầu bà trả nợ nhưng do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, đến nay bà chưa trả cho bà Hoài A số tiền trên. Bà đề nghị trả bà Hoài A số tiền 1.423.000.000 đồng theo phương thức trả dần, cụ thể là trả theo hàng năm với số tiền là 10.000.000 đồng/năm. Nếu bà Hoài A không chấp nhận thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

3. Tại biên bản lấy khai, anh Nguyễn Hoàng G trình bày: Anh xác nhận anh là người viết nội dung giấy vay nợ còn mẹ anh (bà H) là người ký xác nhận trong giấy vay nợ nhưng khoản tiền 1.423.000.000 đồng này là khoản tiền chị Hoài Anh phải trả cho gia đình anh vì mẹ anh đã bán căn nhà 31/7 đường Q, phường C, thành phố Nam Định cho chị Hoài A, vì thế giấy vay nợ nêu trên không có giá trị. Mẹ anh không yêu cầu chị Hoài A phải trả lại giấy vay nợ gốc là vì tin tưởng chị Hoài A. Anh xác nhận ông Trần Văn P không liên quan gì đến việc mẹ anh vay tiền chị Hoài A vì khi chị Hoài A chuyển tiền vào tài khoản của ông P thì ông P đã trả lại cho anh số tiền này. Vì gia đình anh khó khăn nên anh đề nghị chị Hoài A đồng ý để mẹ anh trả số tiền 1.423.000.000 đồng theo phương thức trả dần, cụ thể là trả theo hàng năm với số tiền là 10.000.000 đồng/năm.

4. Ông Trần Văn P có lời khai: Ông không biết và cũng không vay bà Nguyễn Thị Hoài A số tiền 1.423.000.000 đồng. Ông chỉ biết anh Nguyễn Hoàng G là nhân viên ngân hàng VPBank làm thủ tục tín dụng cho ông khi ông vay vốn ngân hàng VPBank. Ông đã trả hết khoản vay cho ngân hàng VPBank qua anh Nguyễn Hoàng G nên không biết gì về số tiền 1.423.000.000 đồng bà Hoài A chuyển vào số tài khoản của ông mở tại ngân hàng VPBank. Vì ông không liên quan đến vụ việc vay nợ giữa bà H với bà Hoài A nên đề nghị Tòa án không đưa ông tham gia tố tụng trong vụ án.

* Tại phiên tòa:

- Bà Hoài A xác nhận bà H là người vay số tiền 1.423.000.000 đồng, không liên quan gì đến ông Trần Văn P, anh Nguyễn Hoàng G là con trai và ông Nguyễn Tiến S là chồng bà H. Bà yêu cầu Tòa án: Buộc bà Trần Thị H phải trả số tiền 1.423.000.000 đồng theo phương thức trả trước ngay 01 lần số tiền 700.000.000 đồng, số tiền còn lại bà đồng ý cho bà H trả dần theo từng năm là 10.000.000 đồng/năm. Nếu bà H không chấp nhận thì đề nghị Tòa án buộc bà H phải trả ngay toàn bộ số nợ gốc là 1.423.000.000 đồng. Để tạo điều kiện cho bà H có khả năng trả nợ bà không yêu cầu bà H phải trả lãi số tiền nợ gốc từ thời điểm vay tiền đến khi xét xử vụ án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bà yêu cầu bà H phải trả lãi nếu chậm thực hiện nghĩa vụ trả nợ.

- Bà H xác nhận bà Hoài A cho bà vay số tiền 1.423.000.000 đồng để con trai bà là Nguyễn Hoàng G lấy vốn làm ăn là đúng. Bà xác định đây là khoản vay riêng giữa bà với bà Hoài A. Bà không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng G phải trả lại bà số tiền 1.423.000.000 đồng này. Do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn bà đề nghị trả bà Hoài A số tiền 1.423.000.000 đồng theo phương thức trả dần, cụ thể là trả theo hàng năm với số tiền là 10.000.000 đồng/năm. Nếu bà Hoài A không chấp nhận thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định trình bày quan điểm về vụ án như sau:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật về nhiệm vụ, quyền hạn, thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử thực hiện đầy đủ thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án đã xác định đúng, đủ người tham gia tố tụng. Những người tham gia tố tụng đã được Tòa án đảm bảo thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Tòa án cũng đã xác định đúng quan hệ pháp luật được giải quyết trong vụ án.

Về việc giải quyết vụ án:

+ Về số tiền còn nợ: Căn cứ Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 357, Điều 385, Điều 398, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 Bộ luật Dân sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Buộc bà Trần Thị H phải trả toàn bộ số tiền nợ gốc là 1.423.000.000 (Một tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu) đồng cho bà Nguyễn Thị Hoài A. Chấp nhận sự tự nguyện không yêu cầu trả lãi số tiền gốc 1.423.000.000 đồng của bà Nguyễn Thị Hoài A đối với bà Trần Thị H từ thời điểm vay tiền đến khi xét xử vụ án.

+ Về chậm thực hiện nghĩa vụ khi thi hành án: Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, bà H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

- Về án phí sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận nên nguyên đơn được trả lại toàn bộ tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

Do bị đơn là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về người tham gia tố tụng: Bà H xác nhận vay số tiền 1.423.000.000 đồng của bà Hoài A để cho anh G lấy vốn làm ăn; anh G xác nhận bà H vay cho anh số tiền trên để anh dùng đáo hạn ngân hàng cho ông P và ông P đã trả cho anh số tiền này; ông P có lời khai trình bày không biết và cũng không vay bà Nguyễn Thị Hoài A số tiền 1.423.000.000 đồng, ông đã trả hết khoản vay cho ngân hàng VPBank qua anh Nguyễn Hoàng G nên không biết gì về số tiền 1.423.000.000 đồng bà Hoài A chuyển vào số tài khoản của ông mở tại ngân hàng VPBank; bà Hoài A xác nhận số tiền 1.423.000.000 đồng là tài sản chung của bà với chồng là ông Vũ Quang L, do vậy Hội đồng xét xử xác định đương sự trong vụ án: Nguyên đơn là bà Nguyễn Thị Hoài A, bị đơn là bà Trần Thị H, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là anh Nguyễn Hoàng G, ông Vũ Quang L.

[2] Về nội dung tranh chấp trong vụ án:

2.1 Về hợp đồng: Nội dung giấy vay tiền ngày 11-4-2024, thể hiện bà Trần Thị H vay bà Nguyễn Thị Hoài A số tiền 1.423.000.000 đồng. Giấy vay tiền được lập thành văn bản, được các bên có đầy đủ năng lực hành vi dân sự tự nguyện giao kết hợp pháp, mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên có giá trị pháp lý và có hiệu lực thực hiện.

Tại Giấy vay tiền ngày 11-4-2024 hai bên không thỏa thuận về việc trả lãi và thời hạn trả nợ, căn cứ quy định tại Điều 469 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử xác định đây là Hợp đồng vay tài sản không kỳ hạn và không có lãi.

2.2 Về số nợ gốc:

Trong quá trình giải quyết vụ án: Bà Nguyễn Thị Hoài A khẳng định, bà Trần Thị H là người vay số tiền 1.423.000.000 đồng, không liên quan gì đến anh Nguyễn Hoàng G, ông Trần Văn P và ông Nguyễn Tiến S. Bà H thừa nhận bà là người vay số tiền 1.423.000.000 đồng của bà Hoài A để cho con trai là anh Nguyễn Hoàng G lấy vốn làm ăn. Bà xác nhận giấy nhận nợ ngày 11-4-2024 đúng là do anh G viết nội dung và bà là người ký tên xác nhận vay tiền. Anh G có lời khai xác nhận, bà H vay tiền bà Hoài A để anh đáo hạn ngân hàng cho ông Trần Văn P và ông P đã trả lại cho anh số tiền này. Như vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định bà Trần Thị H là người vay của bà Nguyễn Thị Hoài A số tiền 1.423.000.000 đồng và đây là khoản nợ riêng của bà H đối với bà Hoài A.

Đối với lời trình bày của anh G về khoản tiền 1.423.000.000 đồng trong giấy vay nợ ngày 11-4-2024 là khoản tiền chị Hoài Anh phải trả cho gia đình anh vì mẹ anh đã bán căn nhà 31/7 đường Q, phường C, thành phố Nam Định cho chị Hoài A và vì tin tưởng chị Hoài A nên mẹ con anh không yêu cầu chị Hoài A phải trả lại giấy vay nợ gốc, Hội đồng xét xử không chấp nhận lời trình bày này, bởi vì: Bà H, anh G không xuất trình được văn bản bà Hoài A thừa nhận số tiền 1.423.000.000 đồng là khoản tiền bà Hoài A phải trả cho bà H để mua căn nhà 31/7 đường Q, phường C, thành phố Nam Định của bà H; không chứng minh được, hai bên không phải là họ hàng ruột thịt, cũng không có mối quan hệ thân thiết nhưng tại sao lại tin tưởng bà Hoài A mà không lấy lại giấy nợ gốc đã viết ngày 11-4-2024 trong khi lại viết giấy nhận nợ có nội dung bà H vay bà Hoài A số tiền 1.423.000.000 đồng để

đặt cọc mua căn nhà số 33/7 đường Q, phường C, thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

Về thời hạn trả nợ: Tuy hợp đồng vay tài sản giữa bà Hoài A với bà H là Hợp đồng không kỳ hạn và không có lãi nhưng bà H xác nhận bà Hoài A đã nhiều lần yêu cầu bà trả nợ, do hoàn cảnh kinh tế gia đình khó khăn, đến nay bà chưa trả được số tiền 1.423.000.000 đồng cho bà Hoài A. Căn cứ quy định tại Điều 466, Điều 469 Bộ luật Dân sự, bà H đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, vì vậy Hội đồng xét xử có cơ sở buộc bà H phải trả cho bà Hoài A số tiền 1.423.000.000 đồng.

2.2 Về lãi suất:

Do hợp đồng vay tài sản giữa bà Hoài A với bà H là hợp đồng không kỳ hạn và không có lãi như nhận định ở trên, đồng thời bà Hoài A không yêu cầu Tòa án tính lãi đối với số tiền bà H đã vay từ thời điểm vay tiền đến khi xét xử vụ án. Xét thấy việc bà Hoài A không yêu cầu bà H phải thanh toán lãi đối với số tiền bà H đã vay từ thời điểm vay tiền đến khi xét xử vụ án là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

2.3 Về chậm thực hiện nghĩa vụ khi thi hành án:

Bà Hoài A yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị H phải chịu lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định của pháp luật kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật. Căn cứ theo quy định của Điều 466 của Bộ luật Dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hoài A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Trần Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

[3] Về vấn đề khác: Bà H xác nhận bà vay số tiền 1.423.000.000 đồng của bà Hoài A để con trai bà là Nguyễn Hoàng G lấy vốn làm ăn. Tuy nhiên, bà xác định đây là khoản vay riêng giữa bà với bà Hoài A, bà không yêu cầu anh Nguyễn Hoàng G phải trả lại bà số tiền 1.423.000.000 đồng, vì vậy Hội đồng xét xử không giải quyết trong vụ án này. Nếu bà Trần Thị H có yêu cầu anh Nguyễn Hoàng G phải trả lại bà H số tiền trên thì sẽ được thụ lý, giải quyết bằng vụ án khác.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài A được chấp nhận; bà Trần Thị H là người cao tuổi và đã có đơn xin miễn án phí: Căn cứ Điều 2 Luật người cao tuổi; Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12, Điều 14, Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

- Bà Nguyễn Thị Hoài A được trả lại số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp;

- Bà Trần Thị H được miễn án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 117, Điều 119, Điều 280, Điều 351, Điều 353, Điều 357, Điều 385, Điều 398, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 12, Điều 14 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Hoài A:

Buộc bà Trần Thị H phải trả cho bà Nguyễn Thị Hoài A số tiền nợ gốc 1.423.000.000 (Một tỷ, bốn trăm hai mươi ba triệu) đồng.

Chấp nhận sự tự nguyện của bà Nguyễn Thị Hoài A không yêu cầu bà Trần Thị H phải thanh toán tiền lãi của khoản tiền nợ gốc từ ngày 11-4-2024 đến thời điểm xét xử vụ án.

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày bà Nguyễn Thị Hoài A có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bà Trần Thị H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Trả lại bà Nguyễn Thị Hoài A số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm 27.345.000 (Hai mươi bảy triệu, ba trăm bốn mươi lăm nghìn) đồng đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002573 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Nam Định, tỉnh Nam Định.

- Bà Trần Thị H được miễn nộp án phí dân sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Bà Nguyễn Thị Hoài A, bà Trần Thị H, anh Nguyễn Hoàng G, ông Vũ Quang L có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố Nam Định;
- Chi cục THADS tp. Nam Định;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Lương Việt Bằng

